

BÁO CÁO
Tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ nhất. Sau khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, địa bàn xã Lệ Ninh được mở rộng, quy mô dân số tăng, khối lượng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước và đảm bảo an sinh xã hội tăng theo, một số nhiệm vụ chi phát sinh thêm cho quá trình hợp nhất bộ máy, chuẩn hóa dữ liệu, kiện toàn tổ chức. Trong bối cảnh nguồn thu trên địa bàn còn hạn chế, hoạt động sản xuất – kinh doanh phục hồi chậm, UBND xã đã tập trung chỉ đạo điều hành ngân sách chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách.

Được sự quan tâm hỗ trợ của các ban ngành cấp tỉnh, sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ, Ban TV Đảng bộ, Thường trực HĐND xã, sự phấn đấu nỗ lực của các phòng, ban đơn vị nên tình hình kinh tế - xã hội của xã đã đạt được những kết quả tích cực, trong đó việc điều hành và thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 bám sát Nghị quyết của HĐND xã. Việc điều hành và thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 đã bám sát Nghị quyết của HĐND xã, thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, điều hành ngân sách của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh, Sở Tài chính, đảm bảo cân đối ngân sách, an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương. UBND xã tổng hợp, báo cáo tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 như sau:

A. Công tác thu ngân sách năm 2025

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện: 230.546.418.489 đồng/114.134.000.000 đồng, đạt 507,2 % dự toán tỉnh giao, trong đó ngân sách các cấp được hưởng:

- Ngân sách TW:	422.982.721 đồng
- Ngân sách tỉnh:	31.511.641.179 đồng
- Ngân sách xã:	198.611.794.589 đồng

Ngân sách xã đạt 150,1% so với kế hoạch HĐND xã giao số liệu thu cụ thể như sau:

I. Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2025

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: 55.759.382.834 đồng, đạt 505,2% so với KH giao trong đó thu ngân sách trên địa bàn xã hưởng 23.824.758.937 đạt 311,8% so với kế hoạch, cụ thể:

+ Thuế CTN và DV NQD:	8.720.136.787 đồng	đạt	470,6 %
+ Lệ phí trước bạ:	4.442.539.244 đồng	đạt	3150,7 %
+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	19.093.099 đồng	đạt	272,8 %

+ Thu tiền thuê đất:	471.188.180 đồng	đạt	196,3 %
+ Thu tiền sử dụng đất:	4.237.276.952 đồng	đạt	441,4%
+ Thu cấp quyền khai thác	758.271.834 đồng	đạt	151,7 %
+ Thu phí và lệ phí:	2.129.403.068 đồng	đạt	218,4 %
+ Thuế thu nhập cá nhân:	965.546.614 đồng	đạt	104,8 %
+ Thu khác:	348.286.014 đồng	đạt	139,9%
+ Thu đóng góp:	1.610.647.000 đồng		

II. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 149.860.204.225 đồng, trong đó:

- Thu bổ sung cân đối:	86.651.000.000 đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu:	63.209.204.225 đồng

III. Thu kết dư ngân sách năm trước: 0 đồng

IV. Thu chuyển nguồn năm trước: 24.926.831.427 đồng.

Để đảm bảo cân đối các nhiệm vụ chi theo Nghị quyết HĐND xã đã phê chuẩn, UBND xã đã chỉ đạo các phòng ban, đơn vị tăng cường công tác thu ngân sách, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kịp thời thu các khoản thu vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định. Đến nay các khoản thu ngân sách trên địa bàn đạt và vượt dự toán giao

B. Công tác chi ngân sách năm 2025

Trong điều kiện nguồn thu ngân sách nhà nước còn gặp nhiều khó khăn trong khi nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ chi trong năm tương đối lớn nên UBND xã đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời cho các phòng ban, đơn vị về điều hành chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên; sử dụng ngân sách hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và trong quá trình thực hiện; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi; cắt giảm tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán. Các nhiệm vụ chi ngân sách đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội...

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện năm 2025: 198.484.158.617 đồng, trong đó:

- Chi cân đối ngân sách:	162.588.837.107 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách:	23.907.348.565 đồng
- Chi nộp cấp trên:	11.987.972.945 đồng

Số liệu cụ thể như sau:

I. Chi trong cân đối ngân sách: 162.588.837.107 đồng, đạt 147% so với dự toán giao, bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển thực hiện: 18.980.916.000 đồng, đạt 1977. % so với dự toán giao.

Việc bố trí vốn đầu tư tuân thủ theo các quy định của Luật đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

UBND xã đã tập trung chỉ đạo các phòng ban, đơn vị rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, kịp thời phân bổ các nguồn vốn, nhất là vốn xây dựng cơ bản tập trung; đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc giải ngân các nguồn vốn đầu tư công theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, ban ngành cấp tỉnh về công tác giải ngân vốn đầu tư công xem đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2025.

2. Chi thường xuyên

Việc điều hành thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2025 đã thực hiện theo hướng tiết kiệm, trong khả năng cân đối nguồn thu của địa phương và bám sát dự toán HĐND xã giao, quản lý, sử dụng các khoản chi chặt chẽ, tiết kiệm đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách, Luật đầu thầu, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chủ động sắp xếp các khoản chi, cắt giảm, giãn các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tập trung nguồn lực để bù giảm thu ngân sách, ưu tiên thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội; chính sách tiền lương cho các đối tượng, các khoản chi thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Năm 2025 các chính sách đảm bảo xã hội; bảo hiểm y tế cho các đối tượng; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo, chính sách hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa, hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp; các chế độ ngành giáo dục như tiền ăn trưa cho trẻ 3 - 5 tuổi, hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định số 116/NĐ-CP của Chính phủ, hỗ trợ cấp bù học phí, chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGĐT-BLĐTBXH-BTC... đã được thực hiện cho các đối tượng thụ hưởng; thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động, cán bộ xã nghỉ việc theo quy định.

Chi thường xuyên thực hiện: 143.607.921.107 đồng, đạt 134 % so với dự toán tỉnh, xã giao, một số khoản chi thường xuyên thuộc ngân sách xã thực hiện chủ yếu như sau:

2.1. Chi quốc phòng: 722.888.058 đồng, đạt 85 % so với dự toán giao, kinh phí chủ yếu phục vụ các hoạt động chi trả phụ cấp dân quân tự vệ và các nhiệm vụ quốc phòng khác...

2.2. Chi an ninh: 1.958.080.072 đồng, đạt 107 % so với dự toán giao, kinh phí chủ yếu phục vụ các nhiệm vụ chi đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, chi trả phụ cấp cho lực lượng an ninh trật tự cơ sở...

2.3. *Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo dạy nghề*: 62.536.552.813 đồng, đạt % so với dự toán giao. Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ: Chi trả tiền lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, mua sắm cơ sở vật chất, các chế độ thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo như hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh khuyết tật,... đã được thực hiện theo quy định.

2.4. *Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình*: 1.596.420.161 đồng, đạt 98 % so với dự toán giao. Các chế độ bảo hiểm y tế của các đối tượng bảo trợ xã hội được đảm bảo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng trong công tác khám chữa bệnh.

2.5. *Chi sự nghiệp văn hoá thông tin*: 136.463.020 đồng, đạt 114 % so với dự toán giao, kinh phí thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn.

2.6. *Chi sự nghiệp kinh tế*: 13.639.751.152 đồng, đạt 99 % so với dự toán giao, trong năm bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ mục tiêu tỉnh cấp.

2.7. *Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể*: 49.377.700.605 đồng, đạt 211 % so với dự toán giao. Kinh phí phục vụ các nhiệm vụ: Chi trả tiền lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định 178/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP, kinh phí tỉnh bổ sung thực hiện theo mục tiêu, kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất từ các nguồn dự phòng, chi khác ngân sách,...

2.8. *Chi đảm bảo xã hội*: 13.375.099.336 đồng, đạt 254 % so với dự toán giao, nguồn kinh chủ yếu chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo; hỗ trợ quà lễ tết cho các đối tượng chính sách, người nghèo và các chính sách an sinh xã hội khác.

3. Chi dự phòng ngân sách

Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách xã năm 2025 được giao là 1.830 triệu đồng, đã thực hiện 1.830 triệu đồng.

Nguồn dự phòng ngân sách được sử dụng để thực hiện các khoản chi phục vụ đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh khắc phục thiên tai và một số công việc đột xuất cấp thiết phát sinh ngoài dự toán.

4. Chương trình mục tiêu Quốc gia

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh về phân bổ nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND xã đã chỉ đạo Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG, các phòng ban, đơn vị thực hiện theo quy định, đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn xã.

Tổng nguồn vốn thực hiện 02 Chương trình MTQG năm 2025 (bao gồm nguồn vốn năm 2024 chuyển sang thực hiện): 3.274 triệu đồng. (Trong đó vốn đầu tư phát triển: 1.474 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 1.400 triệu đồng); Tổng nguồn vốn đã giải ngân năm 2025: 1.919,962 triệu đồng, đạt 58.64% kế hoạch.

II. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 23.907.348.565 đồng.

III. Chi nộp cấp trên: 11.987.972.945 đồng

IV. Chi chuyển giao ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã: 149.860.204.225 đồng

C. Về cân đối ngân sách:

- | | |
|--|-----------------------------|
| 1. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025: | 230.546.418.489 đồng |
| Ngân sách cấp xã hưởng: | 198.611.794.589 đồng |
| 2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025: | 198.484.158.617 đồng |
| 3. Kết dư ngân sách năm 2025: | 127.635.972 đồng |

(Số liệu thù, chi có các phụ lục kèm theo)

D. Đánh giá chung

- Về điều hành ngân đảm bảo cân đối ngân sách năm 2025: Căn cứ các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính, các văn bản có liên quan, UBND xã đã chỉ đạo các đơn vị tăng cường triển khai quyết liệt các biện pháp, giải pháp khai thác nguồn thu, đảm bảo thu kịp thời các khoản vào ngân sách nhà nước, đồng thời điều hành dự toán chi bám sát tình hình, tiến độ thực hiện thu ngân sách, tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết.

- Công tác điều hành thu – chi đảm bảo đúng quy định, không để phát sinh nợ đọng hoặc chi vượt dự toán.

- Thu ngân sách có tăng nhưng chưa bền vững; nguồn thu không ổn định.

- Về thực hiện các Chương trình MTQG: Các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 có hệ thống văn bản hướng dẫn rất nhiều, trong quá trình thực hiện các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc đã được cấp có thẩm quyền xem xét hướng dẫn, đồng thời thường xuyên sửa đổi, bổ sung các văn bản đã ban hành. Do đó việc giải ngân nguồn vốn để thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình còn chưa kịp thời, tỷ lệ giải ngân đạt thấp.

Trên đây là báo cáo Tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 của UBND xã Lệ Ninh./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị;
- BTV Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- 02 Ban HĐND xã;
- Các phòng ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, KT.

(để b/c)



Nguyễn Hữu Hán

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Quyết toán năm 2025	So sánh (%)
A	THU NGUỒN THU NSDP	110.356.000.000	198.611.794.589	150,10
I	Thu ngân sách ĐP hưởng theo phân cấp	7.640.000.000	23.824.758.937	311,8
	- Thu ngân sách ĐP hưởng 100%	2.114.000.000	2.227.907.600	105,4
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.701.000.000	21.596.851.337	583,5
	- Thu điều tiết các khoản thu do tình quản lý	1.825.000.000		0,0
II	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	102.716.000.000	149.860.204.225	145,9
	- Bổ sung cân đối	86.865.000.000	86.651.000.000	99,8
	- Bổ sung có mục tiêu	15.851.000.000	63.209.204.225	398,8
III	Thu kết dư		0	
IV	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		24.926.831.427	
B	TỔNG CHI NSDP	110.356.000.000	198.484.158.617	179,9
I	Tổng chi cân đối NS ĐP	108.956.000.000	174.490.502.052	160,1
1	Chi đầu tư phát triển	960.000.000	18.980.916.000	1.977,2
2	Chi thường xuyên.	106.166.000.000	143.521.613.107	135,2
3	Dự phòng	1.830.000.000		0,0
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		11.987.972.945	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.400.000.000	86.308.000	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.400.000.000	86.308.000	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		23.907.348.565	

Ghi chú: + Số quyết toán dự phòng ngân sách đã chuyển vào các nhiệm vụ chi theo quy định.

+ Số quyết toán chi ngân sách huyện tại biểu này không bao gồm số chi chuyển giao ngân sách xã.

Lệ Ninh, ngày tháng năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *nhân*



Nguyễn Hữu Hán

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỆ NINH**

Biểu mẫu số 49 theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Quyết toán năm 2025	So sánh QT/DT
I	Nguồn thu ngân sách xã	110.356.000.000	198.611.794.589	180,0
1	Thu ngân sách theo phân cấp	7.640.000.000	23.824.758.937	311,8
	- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%	2.114.000.000	2.576.193.614	121,9
	- Các khoản thu phân chia ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.701.000.000	21.248.565.323	574,1
	- Thu điều tiết các khoản thu do tình quản lý	1.825.000.000		
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	102.716.000.000	149.860.204.225	145,9
	- Bổ sung cân đối	86.865.000.000	86.651.000.000	99,8
	- Bổ sung có mục tiêu	15.851.000.000	63.209.204.225	
3	Thu kết dư		0	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		24.926.831.427	
II	Chi ngân sách xã, thị trấn	110.356.000.000	198.484.158.617	179,9
1	Chi thuộc nhiệm vụ của NS cấp xã	110.356.000.000	162.588.837.107	147,3
2	Chi chuyển nguồn năm sau		23.907.348.565	
3	Chi nộp ngân sách cấp trên		11.987.972.945	
III	Kết dư ngân sách		127.635.972	

Lệ Ninh, ngày tháng năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hán

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỆ NINH

Biểu mẫu số 51 theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	110.356.000.000	198.484.158.617	179,86
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	108.956.000.000	162.502.529.107	149,15
I	Chi đầu tư phát triển	960.000.000	18.980.916.000	1977,18
1	Chi đầu tư cho các dự án	960.000.000	18.980.916.000	1977,18
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	
-	Chi khoa học và công nghệ			
II	Chi thường xuyên	106.166.000.000	143.521.613.107	135,19
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	60.731.000.000	62.536.552.813	102,97
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	1.830.000.000		0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.400.000.000	86.308.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.400.000.000	86.308.000	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	1.400.000.000	86.308.000	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		23.907.348.565	
D	CHI NỘP CẤP TRÊN		11.987.972.945	

Ghi chú: + Số quyết toán dự phòng ngân sách đã chuyển vào các nhiệm vụ chi theo quy định.

Lệ Ninh, ngày tháng năm 202

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hán

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỆ NINH

Biểu mẫu số 50 theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	10.993.000.000	5.815.000.000	80.686.214.264	48.751.590.364	733,98	838,38
A	TỔNG THU CĂN ĐỐI NSNN	10.993.000.000	5.815.000.000	55.759.382.837	23.824.758.937	507,23	409,71
I	Thu nội địa	10.993.000.000	5.815.000.000	55.759.382.837	23.824.758.937	507,23	409,71
I	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	-	-	1.402.721.841	160.597.637		
1.1	Thuế TNDN			3.680.200			
1.2	Thuế tài nguyên			6.540.000			
1.3	Thuế GTGT			1.392.501.641	160.597.637		
1.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
1.5	Thu khác						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-	-	-	-		
2.1	Thuế TNDN						
2.2	Thuế tài nguyên						
2.3	Thuế GTGT						
2.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
2.5	Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-	-		
3.1	Thuế TNDN						
3.2	Thuế tài nguyên						
3.3	Thuế GTGT						
3.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
3.5	Thu khác						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.347.000.000	1.853.000.000	21.209.911.570	8.559.539.150	633,70	461,93
4.1	Thuế TNDN			545.817.500	1.050.660		
4.2	Thuế tài nguyên	2.450.000.000	1.225.000.000	15.412.789.181	7.706.394.599	629,09	629,09
4.3	Thuế GTGT	897.000.000	628.000.000	5.251.304.889	852.093.891	585,43	135,68
4.4	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
4.4	Thu khác						
5	Thuế thu nhập cá nhân	449.000.000	449.000.000	1.103.334.793	470.656.159	245,73	104,82

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	188.000.000	141.000.000	4.521.720.262	4.442.539.244	2.405,17	3.150,74
8	Thu phí, lệ phí	975.000.000	975.000.000	7.656.205.719	2.129.403.068	785,25	218,40
-	Phí và lệ phí trung ương			22.758.000			
-	Phí và lệ phí tỉnh			5.504.044.651			
-	Phí và lệ phí xã, phường	975.000.000	975.000.000	2.129.403.068	2.129.403.068	218,40	218,40
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000.000	7.000.000	20.429.302	19.093.099	255,37	272,76
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	436.000.000	240.000.000	1.142.032.736	471.188.180	261,93	196,33
12	Thu, tiền sử dụng đất	3.900.000.000	960.000.000	14.116.888.960	4.237.276.952	361,97	441,38
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000.000.000	500.000.000	1.777.047.162	758.271.834	177,70	151,65
16	Thu khác ngân sách	170.000.000	170.000.000	581.182.892	348.286.014	341,87	204,87
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	520.000.000	520.000.000	617.260.600	617.260.600	118,70	118,70
18	Thu đóng góp			1.610.647.000	1.610.647.000		
19	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
20	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
21	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ đầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	-	-	-	-		
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
IV	Thu viên trợ						
B	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			-	-		
C	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			24.926.831.427	24.926.831.427		

Lê Ninh, ngày tháng năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hân

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	110.356.000.000	198.484.158.617	180
A	CHI TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	110.356.000.000	162.588.837.107	147
I	Chi đầu tư phát triển	960.000.000	18.980.916.000	1.977
1	Chi đầu tư cho các dự án	960.000.000	18.980.916.000	1.977
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	
-	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi quốc phòng			
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
-	Chi y tế, dân số và gia đình		-	
-	Chi văn hóa thông tin		4.611.244.000	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
-	Chi thể dục thể thao		-	
-	Chi bảo vệ môi trường		-	
-	Chi các hoạt động kinh tế		14.355.644.000	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		14.028.000	
-	Chi bảo đảm xã hội		-	
-	Chi đầu tư khác		-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác		-	
II	Chi thường xuyên	107.566.000.000	143.607.921.107	134
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	60.668.000.000	62.536.552.813	103
-	Chi khoa học và công nghệ (2)			
-	Chi quốc phòng	-905.000.000	772.888.058	85
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.832.000.000	1.958.080.072	107
-	Chi y tế, dân số và gia đình	1.630.000.000	1.596.420.161	98
-	Chi văn hóa thông tin, thể thao	120.000.000	136.463.020	114
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	214.965.890	
-	Chi bảo vệ môi trường	10.000.000	-	-
-	Chi các hoạt động kinh tế	13.764.000.000	13.639.751.152	99
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.370.000.000	49.377.700.605	211
-	Chi bảo đảm xã hội	5.267.000.000	13.375.099.336	254

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	- 1	2	3=2/1
--	Chi thường xuyên khác	-		
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			
V	Dự phòng ngân sách	1.830.000.000		-
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		23.907.348.565	
C	CHI NỘP CẤP TRÊN	-	11.987.972.945	

Lê Ninh ngày tháng năm 202

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hán

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỆ NINH

Biểu mẫu số 53 theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị tính: đồng

So sánh DT/QT(%)									
Quyết toán 2025									
Dự toán 2025									
TT	Nội dung	Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng số	NSX
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	110.356.000.000		110.356.000.000	198.484.158.617	0	198.484.158.617	179,9	179,9
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			108.956.000.000	162.502.529.107	0	162.502.529.107	149,1	149,1
I	Chi đầu tư phát triển	960.000.000		960.000.000	18.980.916.000		18.980.916.000	1.977,2	1977,2
	Trong đó:	0			0		0		
1	Chi giáo dục đào tạo	0			0				
2	Chi khoa học công nghệ	0							135,2
II	Chi thường xuyên	106.166.000.000		106.166.000.000	143.521.613.107		143.521.613.107		
	Trong đó:	0			0				103,0
1	Chi giáo dục đào tạo	60.731.000.000		60.731.000.000	62.536.552.813		62.536.552.813	103,0	
2	Chi khoa học công nghệ	-			-				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-			-				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-			-				
V	Dự phòng	1.830.000.000		1.830.000.000	0				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC T	1.400.000.000		1.400.000.000	86.308.000	0	86.308.000		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.400.000.000		1.400.000.000	86.308.000		86.308.000		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ								
C	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				23.907.348.565	0	23.907.348.565		
D	Chi nộp ngân sách cấp trên	0			11.987.972.945		11.987.972.945		

Ghi chú: + Số quyết toán dự phòng ngân sách đã chuyển vào các nhiệm vụ chi theo quy định.

Lệ Ninh, ngày tháng năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hán